

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN  
XÃ HÒN ĐẤT**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 10/NQ- HĐND

Hòn Đất, ngày 30 tháng 3 năm 2026

**NGHỊ QUYẾT**

**Điều chỉnh dự toán thu, chi ngân sách địa phương xã Hòn Đất năm 2025**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN XÃ HÒN ĐẤT  
KHÓA II, KỲ HỌP THỨ NHẤT**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH ngày 25 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 1654/NQ-UBTVQH15 ngày 16 tháng 6 năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh An Giang năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 31/2017/NĐ-CP ngày 23 tháng 3 năm 2017 của Chính phủ ban hành Quy chế lập, thẩm tra, quyết định kế hoạch tài chính 05 năm địa phương, kế hoạch đầu tư công trung hạn 05 năm địa phương, kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm địa phương, dự toán và phân bổ ngân sách địa phương, phê chuẩn quyết toán ngân sách địa phương hằng năm;

Căn cứ Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 49/2024/TT-BTC ngày 16 tháng 7 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn xây dựng dự toán ngân sách nhà nước năm 2025 và kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm 2025 - 2027;

Căn cứ Thông tư số 88/2024/TT-BTC ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về tổ chức thực hiện dự toán ngân sách nhà nước năm 2025;

Căn cứ Thông tư số 26/2026/TT-BTC ngày 25 tháng 3 năm 2026 của Bộ Tài chính Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 436/QĐ-UBND ngày 05 tháng 8 năm 2025 của UBND tỉnh An Giang về việc giao dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn, thu, chi ngân sách địa phương và phân bổ ngân sách địa phương năm 2025 cho Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu;



Căn cứ Quyết định số 2333/QĐ-UBND ngày 14 tháng 12 năm 2025 của UBND tỉnh An Giang về việc điều chỉnh một số nội dung tại Phụ lục II kèm theo Quyết định số 436/QĐ-UBND ngày 05 tháng 8 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang và thu hồi, bổ sung kinh phí đối với Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu để thực hiện một số nhiệm vụ chi năm 2025 sau khi kết thúc đơn vị hành chính cấp huyện trên địa bàn Kiên Giang trước sáp nhập;

Căn cứ Nghị quyết số 15/NQ-HĐND ngày 15 tháng 8 năm 2025 của HĐND xã Hòn Đất về dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn, thu, chi ngân sách địa phương và phân bổ ngân sách địa phương xã Hòn Đất năm 2025; Nghị quyết số 27/NQ-HĐND ngày 25 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân xã Hòn Đất về điều chỉnh dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn, thu, chi ngân sách địa phương xã Hòn Đất năm 2025.

Xét Tờ trình số 76/TTr-UBND ngày 23 tháng 03 năm 2026 của Ủy ban nhân dân xã Hòn Đất dự thảo Nghị quyết điều chỉnh dự toán thu, chi ngân sách địa phương xã Hòn Đất năm 2025; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân xã; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

## QUYẾT NGHỊ

**Điều 1. Điều chỉnh dự toán thu, chi ngân sách địa phương xã Hòn Đất năm 2025**

### **1. Điều chỉnh dự toán thu ngân sách địa phương**

Điều chỉnh tổng dự toán thu ngân sách địa phương từ 434.666 triệu đồng lên 446.219 triệu đồng, tăng 11.553 triệu đồng. Trong đó:

- Thu bổ sung có mục tiêu từ 197.179 triệu đồng lên 208.732 triệu đồng, tăng 11.553 triệu đồng.

### **2. Điều chỉnh dự toán chi ngân sách địa phương**

Điều chỉnh tổng dự toán chi ngân sách địa phương từ 434.666 triệu đồng lên 446.219 triệu đồng, tăng 11.553 triệu đồng. Trong đó:

- Tổng chi cân đối ngân sách địa phương từ 314.976 triệu đồng lên 320.910 triệu đồng, tăng 5.934 triệu đồng:

+ Chi thường xuyên từ 278.646 triệu đồng lên 293.970 triệu đồng, tăng 15.324 triệu đồng.

+ Chi các lĩnh vực khác từ 2.289 triệu đồng xuống 0 triệu đồng giảm 2.289 triệu đồng.

+ Chi từ dự toán chuyên nguồn năm trước chuyển sang từ 16.099 triệu đồng xuống 8.998 triệu đồng, giảm 7.101 triệu đồng.

- Chi các chương trình mục tiêu từ 103.702 lên 114.774 triệu đồng, tăng 11.042 triệu đồng.

- Chi chuyển nguồn sang năm sau từ 14.479 triệu đồng xuống 9.056, giảm 5.423 triệu đồng.

(Chi tiết tại Phụ lục I, II, III kèm theo)

## **Điều 2. Tổ chức thực hiện**

1. Hội đồng nhân dân giao Ủy ban nhân dân xã triển khai thực hiện Nghị quyết này.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân xã, các Ban Hội đồng nhân dân xã, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân xã giám sát việc thực hiện nghị quyết này.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân xã Hòn Đất Khóa II, Kỳ họp thứ Nhất thông qua ngày 30 tháng 3 năm 2026 và có hiệu lực từ ngày thông qua./.

### **Nơi nhận:**

- TT. HĐND tỉnh, Tổ đại biểu HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh;
- Thường trực Đảng ủy xã;
- TT. HĐND - UBND - UBMTTQ VN xã;
- Các Ban của HĐND xã;
- Đại biểu HĐND xã;
- Các phòng chuyên môn xã;
- BLĐ các ấp;
- LĐVP HĐND và UBND xã;
- Trang TTĐT tổng hợp xã;
- Lưu: VT, ntnhung.



**CHỦ TỊCH**

**Lương Đắc Hoà**





**PHỤ LỤC II**  
**DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC THEO LĨNH VỰC NĂM 2025**  
(Kèm theo Nghị quyết số 10/NQ-HĐND ngày 30/3/2026 của Hội đồng nhân dân xã Hòn Đất)

Đơn vị: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán năm 2025		Điều chỉnh (Tăng +)/Giảm (-)		Dự toán sau điều chỉnh năm 2025	
		Tổng thu NSNN	Thu NSĐP	Tổng thu NSNN	Thu NSĐP	Tổng thu NSNN	Thu NSĐP
A	B	3	4			3	4
	<b>TỔNG THU NSNN</b>	<b>44.764</b>	<b>7.275</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>44.764</b>	<b>7.275</b>
<b>I</b>	<b>Thu nội địa</b>	<b>42.532</b>	<b>5.043</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>42.532</b>	<b>5.043</b>
<b>1</b>	<b>Khu vực DNNN địa phương</b>	<b>395</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>395</b>	<b>0</b>
	- Thuế VAT, TNDN	395	0	0	0	395	0
	+ Thuế VAT	130	0			130	0
	+ Thuế TNDN	265	0			265	0
<b>2</b>	<b>Thu thuế CTN và dịch vụ ngoài quốc doanh</b>	<b>17.950</b>	<b>1.793</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>17.950</b>	<b>1.793</b>
	- Thuế VAT, TNDN	17.930	1.793	0	0	17.930	1.793
	+ Thuế VAT	15.200	1.520			15.200	1.520
	+ Thuế TNDN	2.730	273			2.730	273
	- Thuế tài nguyên	20	0			20	0
<b>3</b>	<b>Lệ phí trước bạ</b>	<b>9.800</b>	<b>1.960</b>			<b>9.800</b>	<b>1.960</b>
<b>4</b>	<b>Thuế thu nhập cá nhân</b>	<b>9.306</b>	<b>0</b>			<b>9.306</b>	<b>0</b>
<b>5</b>	<b>Thu tiền sử dụng đất</b>	<b>2.530</b>	<b>0</b>			<b>2.530</b>	<b>0</b>
<b>6</b>	<b>Thu tiền cho thuê mặt đất, mặt nước</b>	<b>1.261</b>	<b>0</b>			<b>1.261</b>	<b>0</b>
<b>7</b>	<b>Thu cấp quyền khai thác khoáng sản</b>		<b>0</b>			<b>0</b>	<b>0</b>
<b>8</b>	<b>Thu phí và lệ phí</b>	<b>980</b>	<b>980</b>			<b>980</b>	<b>980</b>
<b>9</b>	<b>Thu khác</b>	<b>310</b>	<b>310</b>			<b>310</b>	<b>310</b>
<b>II</b>	<b>Thu huy động đóng góp XDCSHT</b>	<b>2.232</b>	<b>2.232</b>			<b>2.232</b>	<b>2.232</b>



PHỤ LỤC III

ĐƯ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG THEO CƠ CẤU CHI NĂM 2025

(Kèm theo Nghị quyết số 10/NQ-HĐND ngày 30/3/2026 của Hội đồng nhân dân xã Hòn Đất)

Đơn vị: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán năm 2025 (HĐND xã giao)	Điều chỉnh (Tăng (+)/Giảm (-))	Dự toán sau điều chỉnh năm 2025 (HĐND xã giao)
A	B	C	D	E
	<b>TỔNG CHI NSDP</b>	<b>434.666</b>	<b>11.553</b>	<b>446.219</b>
<b>A</b>	<b>CHI CÂN ĐỐI NSDP</b>	<b>316.485</b>	<b>5.934</b>	<b>320.910</b>
<b>I</b>	<b>Chi đầu tư phát triển (I)</b>	<b>9.060</b>	<b>0</b>	<b>9.060</b>
<b>1</b>	<b>Chi đầu tư cho các dự án</b>	<b>7.560</b>	<b>0</b>	<b>7.560</b>
<b>a</b>	<b>Trong đó: Chia theo lĩnh vực</b>	<b>7.560</b>	<b>0</b>	<b>7.560</b>
-	Chi quản lý hành chính	1.643	0	1.643
-	Chi sự nghiệp kinh tế	5.917	0	5.917
<b>b</b>	<b>Trong đó: Chia theo nguồn vốn</b>	<b>7.560</b>	<b>0</b>	<b>7.560</b>
-	Chi đầu tư từ nguồn thu huy động xây dựng cơ sở hạ tầng	135	0	135
-	Chi đầu tư từ các nguồn vốn khác thuộc ngân sách cấp xã	7.425	0	7.425
<b>2</b>	<b>Chi đầu tư và hỗ trợ vốn cho các doanh nghiệp cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích do Nhà nước đặt hàng, các tổ chức kinh tế, các tổ chức tài chính của địa phương theo quy định của pháp luật</b>			
<b>3</b>	<b>Chi đầu tư phát triển khác</b>	<b>1.500</b>	<b>0</b>	<b>1.500</b>
<b>II</b>	<b>Chi thường xuyên</b>	<b>278.646</b>	<b>15.324</b>	<b>293.970</b>
<b>1</b>	<b>Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề</b>	<b>120.518</b>	<b>321</b>	<b>120.839</b>
<b>III</b>	<b>Chi các lĩnh vực khác</b>	<b>2.289</b>	<b>-2.289</b>	<b>0</b>
<b>IV</b>	<b>Dự phòng ngân sách</b>	<b>8.882</b>	<b>0</b>	<b>8.882</b>
<b>V</b>	<b>Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
<b>VII</b>	<b>Chi từ dự toán chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang</b>	<b>16.099</b>	<b>-7.101</b>	<b>8.998</b>
<b>B</b>	<b>CHI CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU</b>	<b>103.702</b>	<b>11.042</b>	<b>114.744</b>
<b>I</b>	<b>Chi các chương trình mục tiêu quốc gia</b>	<b>17.409</b>	<b>0</b>	<b>17.409</b>
<b>II</b>	<b>Chi các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ</b>	<b>86.293</b>	<b>11.042</b>	<b>97.335</b>
<b>C</b>	<b>CHI CHUYỂN NGUỒN SANG NĂM SAU</b>	<b>14.479</b>	<b>-5.423</b>	<b>9.056</b>
<b>D</b>	<b>CHI NỢP NGÂN SÁCH CẤP TRÊN</b>	<b>1.509</b>	<b>0</b>	<b>1.509</b>